

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Hà Nội, tháng 3 năm 2016**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	Thông tin chung	3
II	Tình hình hoạt động trong năm	7
III	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	14
IV	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	16
V	Quản trị Công ty	18
VI	Báo cáo tài chính	22

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103014784 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 179,027,679,349VND
- Địa chỉ: Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.39446066
- Số fax: 04.39446070
- Website: [www.vnsec.vn](http://www.vnsec.vn)

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Được cấp phép thành lập ngày 27 tháng 11 năm 2006, với tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Việt Nam (VNSEC) – có trụ sở tại Hà Nội, Công ty vinh dự trở thành một trong những công ty chứng khoán được thành lập ngay từ những ngày đầu phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Công ty hoạt động trong các lĩnh vực môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 21/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2006.

- Ngày 20 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng đầu tư RHBIB, Malaysia chính thức là đối tác chiến lược của Công ty, nắm giữ 49% cổ phần theo giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp bổ sung nghiệp vụ tự doanh theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 356/UBCK-GPHDKD.

- Ngày 11/11/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp giấy phép điều chỉnh theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 52/UBCK-GPĐC-UBCK về việc thay đổi Tổng giám đốc.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Công ty có trụ sở chính tại tầng 12B, số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

#### **3.1. Dịch vụ chứng khoán**

Sản phẩm dịch vụ cơ bản gồm mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hỗ trợ chuyển nhượng chứng khoán niêm yết.

Phối hợp với ngân hàng để mang tới cho khách hàng dịch vụ tài chính ứng trước tiền bán chứng khoán trên nhu cầu thực tế của khách hàng và đáp ứng đúng những yêu cầu của pháp luật.

#### **3.2. Dịch vụ tư vấn tài chính**

Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, mua bán sáp nhập doanh nghiệp...

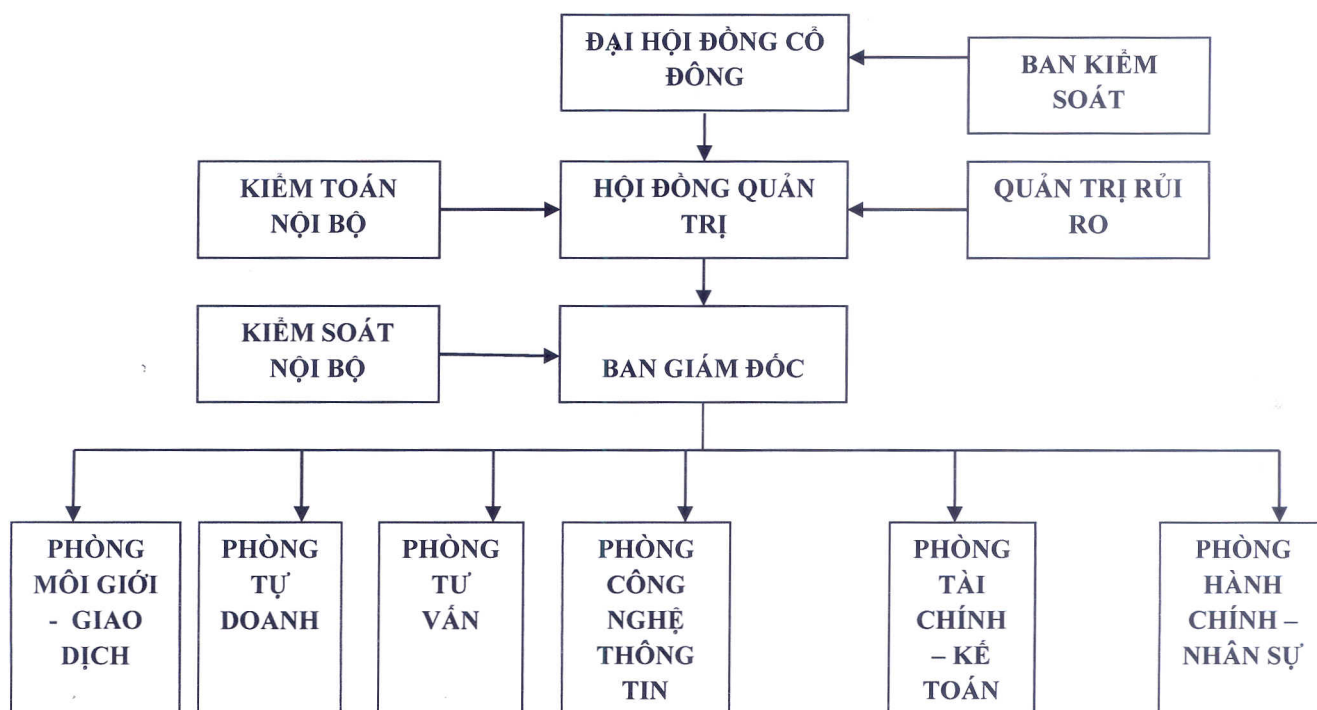
#### **3.3. Dịch vụ đầu tư tài chính**

Mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã và đang lựa chọn phương án bảo toàn vốn và phần lớn thu nhập năm 2015 của Công ty đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán tại Việt Nam thông qua việc cung cấp nhiều sản phẩm tài chính tiên tiến đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Thúc đẩy mối quan hệ lâu dài với khách hàng thông qua việc cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ và áp dụng các thông lệ thị trường và quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

##### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nhằm gia tăng thị phần trên thị trường chứng khoán, định hướng chính mà Công ty sẽ triển khai như sau:

**Hoạt động môi giới:**

- Mở rộng kênh phân phối bao gồm thiết lập chi nhánh và kết hợp với các tổ chức lớn.
- Cải thiện hiệu quả kỹ thuật nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển của thị trường chứng khoán và của khách hàng.
- Tuyển dụng đội ngũ cán bộ nhân viên mỗi giới giỏi về tư vấn và thu hút khách hàng giao dịch tại Công ty.
- Cung cấp các dịch vụ tài chính tiên tiến, cải thiện chất lượng dịch vụ thông qua việc hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Mời chuyên gia của ngân hàng RHB đào tạo và chuyên giao kiến thức về chứng khoán cho nhân viên Công ty.

**Hoạt động tư vấn tài chính:**

- Khai thác trên cơ sở những khách hàng lớn của Ngân hàng RHB và sự có mặt của ngân hàng RHB tại các nước khác như Malaysia, Thái Lan, Singapore cho các hợp đồng tư vấn M&A xuyên quốc gia.
- Liên kết với các công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam, ký kết các bản ghi nhớ thông tin, thúc đẩy các hợp đồng M&A.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế từ năm 2014 đến 2016:

Chi tiết	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập hoạt động nghiệp vụ</b>	1,178,968,473	24,148,664	1,221,502,075
<i>Bao gồm</i>			
Môi giới	45,551,435	24,148,664	39,994,242
Tự doanh	286,662,400		1,181,507,833
Tư vấn tài chính	816,735,909		
Khác	30,018,729		
<b>Thu nhập từ tiền gửi</b>	13,333,459,425	12,758,936,481	11,054,056,582
	-	-	-
<b>TỔNG THU NHẬP</b>	14,512,427,898	12,783,085,145	12,275,558,657
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	(8,187,976,305)	(8,451,099,952)	(2,479,291,659)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động</b>	6,324,451,593	4,331,985,193	9,796,266,998
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	6,324,451,593	4,331,985,193	9,796,266,998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,328,313,622	866,397,038	1,929,389,416
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	4,996,137,971	3,465,588,155	7,866,877,582
<b>Lợi nhuận tích lũy sau thuế</b>	32,695,213,612	36,160,801,767	44,027,679,349
<b>Vốn điều lệ</b>	135,000,000,000	135,000,000,000	135,000,000,000
<b>Quỹ dự phòng</b>	3,269,521,362	3,616,080,178	4,402,767,936
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	167,695,213,612	171,160,801,767	179,027,679,349

Lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 9,796,266,998 VND. Phần lớn thu nhập năm 2016 của Công ty đến từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, bán cổ phiếu tự doanh SMC.

Phần chi phí hoạt động của Công ty giảm hơn so với năm ngoài do Công ty quản lý tốt phần chi phí.

Vốn cổ đông theo đó tăng từ 167,695,213,612VND năm 2014 lên 179,027,676,349VND năm 2016.

Trong năm 2016, Công ty thực hiện chiến lược thận trọng, xây dựng nền tảng vững vàng:

- Tập trung vào củng cố các chính sách, quy trình để phù hợp và tuân thủ đúng những quy định của các Sở ban ngành và luật pháp.
- Xây dựng hệ thống quản lý môi giới chuyên nghiệp cho những cán bộ môi giới thông qua hệ thống phần mềm giao dịch.
- Tập trung hoàn thành các hợp đồng tư vấn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty không thực hiện kế hoạch mở rộng kinh doanh hay triển khai dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng do:

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô chưa thực sự thuận lợi
- Việc tuyển dụng các vị trí chủ chốt cho gặp không ít khó khăn.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chi tiêu	TH 2015	KH 2015	TH 2016	% KH năm	% TH so với 2015
<b>Thu nhập HD nghiệp vụ</b>	24,148,664	4,512,000,000	1,221,502,075	-72.93%	4958.26%
<i>Bao gồm</i>	-	-	-	-	-
Môi giới	24,148,664	1,512,000,000	39,994,242	-97.35%	65.62%
Tự doanh	-	-	1,181,507,833	0.00%	0.00%
Tư vấn tài chính	-	3,000,000,000	-	-100.00%	0.00%
Khác	-	-	-	0.00%	0.00%
<b>Thu nhập từ tiền gửi</b>	12,758,936,481	10,511,000,000	11,054,056,582	5.17%	-13.36%
<b>TỔNG THU NHẬP</b>	12,783,085,145	15,023,000,000	12,275,558,657	-18.29%	-3.97%
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	(8,451,099,952)	(8,467,000,000)	(2,479,291,659)	-70.72%	-70.66%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	4,331,985,193	6,556,000,000	9,796,266,998	49.42%	126.14%



Lợi nhuận trước thuế năm 2016 tăng so với năm 2015 chủ yếu do Công ty hoàn nhập cổ phiếu SMC.

**Về cơ cấu thu nhập:** tỷ trọng doanh thu đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn chiếm đa số tăng 5.17% so với kế hoạch 2015. Doanh thu về Môi giới tăng và Tư vấn tài chính thực hiện thì không có so với tình hình kinh doanh thực tế và thu hút khách hàng chưa thực sự thuận lợi. Đồng thời, với thị trường chứng khoán năm 2016 bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế vĩ mô nên không chỉ Công ty mà nhiều các Công ty khác trên thị trường cũng đều có tình hình chung về giảm sút doanh thu cho hoạt động Môi giới.

**Về cơ cấu chi phí:** chi phí thực hiện năm 2016 giảm hơn so với kế hoạch, mức giảm là -70.72%.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.1. Ban điều hành:**

- Ông Mai Duy Long: Tổng Giám Đốc

*Sinh năm 1982*

*Thạc sĩ Trường Đại học California Miramar*

*Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ tháng 4 năm 2013*

*Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty từ 11/11/2015.*

- Ông Ng. Weng Seng: Giám đốc điều hành

*Sinh năm 1957*

*Tốt nghiệp Đại học Tunku Abudul Rahman, Malaysia*

*Quá trình Công tác: công tác tại Công ty từ năm 2008*

*Được bổ nhiệm Giám đốc điều hành của Công ty từ năm 2010*

- Ông Lê Bá Hoàng Quang: Phó Giám đốc điều hành

*Sinh năm 1977*

*Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân*

*Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2013*

*Được bổ nhiệm Phó Giám đốc điều hành của Công ty từ 25/10/2013*

- Bà Bùi Thị Quý: Kế toán trưởng

*Sinh năm 1984*

*Tốt nghiệp Đại học Phương Đông.*

*Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2011*

*Được bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty từ 01/04/2014.*

2.2. *Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: không có.*

2.3. *Số lượng cán bộ nhân viên:*

Tính tới thời điểm 31/12/2016 tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 24 người.

➤ **Chính sách tuyển dụng:**

Công ty luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng nhân sự theo phương châm công khai và minh bạch.

Hàng năm Công ty đều thành lập Hội đồng tuyển dụng để tìm kiếm những ứng cử viên tiềm năng, nhiều kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên năng động và luôn đáp ứng được yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ cũng được Ban Lãnh đạo khuyến khích và ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển.

Mọi ứng viên dự tuyển được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

➤ **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty luôn được coi là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu.

Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp đồng thời chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, tác phong chuyên nghiệp phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng nhất.

Hàng năm, Công ty tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nâng cao và cập nhật các quy định mới của pháp luật như: các khóa đào tạo về nghiệp vụ của Ủy ban và hai Sở, các lớp học về thuế, tiền lương ...

Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện để cán bộ có điều kiện tham gia học tập tại nước ngoài, cụ thể như cử cán bộ đi đào tạo nghiệp vụ tại Ngân hàng RHB tại Malaysia về các kỹ năng phân tích, quản lý rủi ro..

➤ **Chính sách tiền lương, thưởng đối với người lao động:**

Công ty gắn liền chế độ khen thưởng cán bộ nhân viên với kết quả hoạt động kinh doanh, mục tiêu công việc đạt được và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng.

Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:  
Một năm, nhân viên được hưởng thu nhập tương đương 13 tháng lương.  
Vào các dịp lễ tết của quốc gia, mọi cán bộ nhân viên đều được nhận thưởng.

Chế độ nâng lương cấp bậc được thực hiện định kỳ hàng năm đối với cán bộ nhân viên đạt kết quả và thành tích cao trong công việc.

Hàng quý, căn cứ vào kết quả làm việc của từng cá nhân mà Ban lãnh đạo xem xét bổ sung thêm phụ cấp khó khăn (20% lương) cho các cán bộ nhân viên đạt kết quả làm việc tốt.

Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp xã hội theo các quy định của Bộ Luật Lao động.

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại, tổ chức liên hoan, hoạt động vui chơi cho toàn thể cán bộ nhân viên nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa người lao động với Công ty.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

**4. Tình hình tài chính**

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	<b>Tổng giá trị tài sản</b>	172,333,412,573	180,144,027,351	4.53%
2	<b>Doanh thu</b>	12,783,085,145	12,275,558,657	-3.97%

3	<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	866,397,038	1,929,389,416	122.69%
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	4,331,985,193	9,796,266,998	126.14%
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	3,465,588,155	7,866,877,582	127.00%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2015	2016	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	15188.93%	16769.96%	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	15188.93%	16769.96%	
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.68%	0.62%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.69%	0.62%	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	12.73%	6.81%	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27.13%	64.09%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.03%	4.39%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.01%	4.37%	

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.19%	9.95%	
<b>5. Quy mô vốn</b>			
- Vốn điều lệ	135,000,000,000	135,000,000,000	
- Tổng tài sản có	172,333,412,573	180,144,027,351	
- Tỷ lệ an toàn vốn	421.00%	439.40%	Tỷ lệ vốn khả dụng bằng vốn khả dụng/tổng giá trị rủi ro

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2016		Tại 31/12/2015	
	SL cổ phiếu	VND	SL cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	%
<b>Trong nước</b>			
Tổ chức	1	405,000	3.0%
Cá nhân	2	6,480,000	48.0%
<b>Nước ngoài</b>			
Tổ chức	1	6,615,000	49.0%

Danh sách cổ đông:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2016		Tại 31/12/2015	
	SL cổ phiếu	%	SL cổ phiếu	%
<i>RHB Investment Bank Berhad</i>	6,615,000	49.0%	6,615,000	49.0%
<i>Bà Chu Thị Phương Dung</i>	5,791,500	42.9%	5,791,500	42.9%
<i>Bà Trương Lan Anh</i>	688,500	5.1%	688,500	5.1%
<i>Công ty môi giới bảo hiểm Việt Quốc</i>	405,000	3.0%	405,000	3.0%

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không*

5.5. *Các chứng khoán khác: Không.*

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### 1.1. *Những kết quả đạt được:*

➤ **Kết quả hoạt động kinh doanh:** năm 2016 Công ty có lãi và đã hoàn thành được lợi nhuận kế hoạch năm do Hội đồng quản trị phê duyệt, đó là một nỗ lực của Ban Giám đốc trong bối cảnh thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán cùng ngành nói riêng gặp nhiều khó khăn, nhiều công ty phải tái cơ cấu, cắt giảm quy mô hoạt động và lỗ kéo dài.

➤ **Hoạt động đầu tư:** Công ty vẫn tiếp tục không tham gia vào mảng đầu tư chứng khoán tự doanh do hoạt động này mang tính chất rủi ro cao. Đó cũng là một phần thành công của Ban Giám đốc trong việc điều hành Công ty đạt được kết quả hoạt động có lãi trong năm 2016.

➤ **Quản trị điều hành:** Ban Giám đốc đã định hướng và thực hiện các chỉ tiêu theo đúng các kế hoạch năm đã đề ra. Công ty chú trọng công tác quản trị chi phí do vậy năm 2016 chi phí giảm tới so với kế hoạch. Còn các chỉ tiêu khác đã được phân công tới từng phòng liên quan.

Các quy trình và thủ tục của Công ty đã được xây dựng và triển khai kết hợp giữa thông lệ của thị trường trong nước cũng như áp dụng các điểm mới từ phía đối tác chiến lược, RHBIB, là một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Malaysia.

##### 1.2. *Những kết quả chưa đạt được:*

➤ Việc khai thác lợi thế của các ngân hàng đối tác trong nước để phát triển các cơ hội kinh doanh chưa thực sự phát huy hiệu quả.

- Chưa tuyển dụng được các vị trí chủ chốt tại các bộ phận kinh doanh trong Công ty, do vậy nhiều cơ hội mở rộng kinh doanh trên thị trường chứng khoán đã bị bỏ qua.
- Đội ngũ nhân sự đang tiếp tục phải đào tạo, cơ cấu cho phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh nên năng lực cạnh tranh còn hạn chế.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Chi tiêu	2015	2016	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>172,333,412,573</b>	<b>180,144,027,351</b>	<b>4.53%</b>

Năm 2016 với tình hình nền kinh tế có nhiều bất ổn, Công ty vẫn không ngừng nỗ lực để bảo toàn vốn và phần đầu đạt lợi nhuận kế hoạch đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị đề ra.

- Về cơ cấu tài sản: tổng tài sản năm 2016 đã tăng 4.53% so với năm 2015
- Trong năm 2016, do quản trị và tuân thủ các chính sách tài chính của Công ty nên Công ty đã không phải chịu bất kỳ khoản nợ phải thu xấu, tài sản xấu.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	2015	2016	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,172,610,806</b>	<b>1,116,348,002</b>	<b>-4.80%</b>

Cũng giống như các khoản mục tài chính, Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chệnh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## 3. Kế hoạch phát triển trong năm 2017.

- Xây dựng và mở rộng hợp tác với các ngân hàng nơi mà Công ty đang gửi tiền gửi có kỳ hạn để gia tăng sản phẩm dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng.
- Tập trung vào các khách hàng nước ngoài tiềm năng từ phía đối tác liên doanh RHB để khách hàng giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua Công ty là nhà môi giới.
- Cải thiện thị phần về môi giới bằng cách dự kiến đưa sản phẩm Margin vào phục vụ khách hàng
- Phát huy tiềm năng sẵn có về tài chính, các hoạt động nòng cốt để sẵn sàng đón đầu khi thị trường phục hồi.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ về chi phí quản lý và chi phí nhân viên thông qua việc nâng cao chất lượng trong công việc.
- Cử một số nhân viên cốt lõi sang đào tạo tại ngân hàng đầu tư liên doanh RHB, Malaysia.
- Về hợp đồng tư vấn tài chính, dự kiến các hợp đồng mua bán sáp nhập sẽ tăng do ngày càng nhiều các công ty Việt Nam muốn tìm đối tác chiến lược nước ngoài không chỉ với mục đích tài trợ vốn mà còn về vấn đề chuyển giao công nghệ.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trước áp lực cạnh tranh khốc liệt của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhiều công ty chứng khoán trong năm 2016 đã lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, mất khả năng thanh toán. Theo thống kê kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán tại Việt Nam cho thấy, trên nửa số công ty chứng khoán bị lỗ trong năm 2016 và 2/3 số công ty chứng khoán bị lỗ lũy kế. Trong thời gian tới dự báo những con số này vẫn còn tăng thêm do tình hình kinh tế vĩ mô tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy



nhiên, Công ty vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng. Đây thực sự là điểm đáng khuyến khích.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành những Nghị quyết và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả (chi tiết tới từng nghiệp vụ như hoạt động môi giới, hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động đầu tư) của Ban Giám Đốc được tổ chức định kỳ.
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của nhóm kiểm soát nội bộ tập đoàn ngân hàng RHBIB.
- Giám sát thông qua việc thực hiện các ý kiến đánh giá, kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.

Qua việc giám sát cho thấy, Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng các chủ trương mà kế hoạch đã được duyệt. Các Nghị quyết ban hành trong năm 2016 cũng theo đó được thực hiện nghiêm túc. Mọi hoạt động kinh doanh tại Công ty tuân thủ đúng pháp luật và quy định về kinh doanh chứng khoán.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị công ty sẽ tập trung vào các hướng hoạt động như sau:

- Khai thác triệt để lợi thế từ ngân hàng RHBIB trong việc mở rộng và phát triển khách hàng. Đây là nguồn khách tiềm năng có thể sẽ thông qua Công ty để giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.
- Cải tiến hệ thống công nghệ thông tin nhằm quản lý và phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển nhanh của thị trường chứng khoán.
- Tăng cường kiểm soát tài chính: các nguồn tiền hàng tháng dư thừa phải được gửi tại các ngân hàng có uy tín đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro. Căn cứ vào báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng được Công ty lập cũng như báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên, năm được kiểm toán từ đơn vị kiểm toán KPMG. Hội đồng quản trị có thể kịp thời quản trị tốt hơn, đảm bảo không bị gặp rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm các thành viên:

1. Ông Robert Angelo Hendro (Robert Huray), Chủ tịch HĐQT (từ ngày 02/08/2016)
2. Bà Chu Thị Phương Dung, Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Trần Thị Hải Yến, Ủy viên
4. Ông Ng Weng Seng, Ủy viên
5. Ông Jaimie Sia Keng, Ủy viên

Trong số năm (05) thành viên HĐQT, chỉ có Bà Chu Thị Phương Dung - Phó chủ tịch HĐQT và Ông Ng Weng Seng - Giám đốc điều hành, thực hiện chức năng điều hành Công ty.

Chủ tịch HĐQT là Ông Robert Angelo Hendro (Robert Huray), Bà Trần Thị Hải Yến (Thành viên HĐQT) và Ông Jaimia Sia Keng (Thành viên HĐQT) không thực hiện chức năng điều hành ngoại trừ là thành viên trong nhóm chữ ký tài khoản công ty mở tại các ngân hàng tại Việt Nam.

Như đã đề cập ở trên, Các hoạt động của Công ty được điều hành và quản lý bởi Bà Chu Thị Phương Dung và Ông Ng Weng Seng, với sự hỗ trợ của các trưởng phòng ban tương ứng.

1.2. *Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Công ty có quy mô nhỏ; do đó không cần các tiêu ban dưới HĐQT

1.3. *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị tổ chức bốn (4) cuộc họp trong năm 2016 và các Nghị quyết HĐQT khác cũng được thông qua bằng văn bản.

Dưới đây là danh sách đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2016:

Họp Hội đồng quản trị	Ngày tháng
Số 1/2016	24 tháng 03 năm 2016
Số 2/2016	20 tháng 06 năm 2016
Số 3/2016	22 tháng 09 năm 2016
Số 4/2016	06 tháng 12 năm 2016

Dưới đây là danh sách các nghị quyết được thông qua bằng văn bản của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2016:

Nghị quyết số 1/2016/NQHDQT/VSEC ngày 9 tháng 3 năm 2016

Nghị quyết số 2/2016/NQHDQT/VSEC ngày 7 tháng 4 năm 2016

Nghị quyết số 3/2016/NQHDQT/VSEC ngày 7 tháng 4 năm 2016

Nghị quyết số 4/2016/NQHDQT/VSEC ngày 2 tháng 8 năm 2016

Nghị quyết số 5/2016/NQHDQT/VSEC ngày 19 tháng 8 năm 2016

Nghị quyết số 6/2016/NQHDQT/VSEC ngày 10 tháng 10 năm 2016

Nghị quyết số 7/2016/NQHDQT/VSEC ngày 28 tháng 12 năm 2016

## 2. Ban Kiểm soát

*Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát và hoạt động của Ban kiểm soát:*

STT	Thành viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết	Các chứng khoán khác do cty phát hành
1	Cáp Thị Thu Hạnh	0	0
2	Trịnh Dương Phi	0	0

Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận việc thành lập Ban kiểm soát trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 14 tháng 7 năm 2016 gồm hai thành viên như trên.

Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2016 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2016.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Trong năm 2016 Ban Kiểm Soát đã đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2016. Cũng như hoạt động của HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban Kiểm Soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

Trong năm tài chính, Công ty không mắc bất cứ một gian lận hoặc tranh chấp nào.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tên thành viên	Lương, thưởng	CF tiếp khách	Công tác	Khác
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Chu Thị Phương Dung	428,100,000	68,001,923	0	
Trần Thị Hải Yến	466,244,800			
<b>Ban Giám Đốc</b>				
Mai Duy Long	149,975,668			
<b>Ban kiểm soát</b>				
Cáp Thị Thu Hạnh	87,341,000			
Trịnh Dương Phi	41,469,351			
<b>Tổng</b>	<b>1,173,130,819</b>	<b>68,001,923</b>	-	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: không

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty* :

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty do vậy không có nội dung nào bị vi phạm hoạt động quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán bởi KPMG cho năm tài chính 31/12/2016 được đính kèm cùng báo cáo này.

**Tổng Giám Đốc**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Mai Duy Long*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Hoạt động Kinh doanh**

Chứng khoán số	21/UBCK-GPHDKD	Ngày 8 tháng 12 năm 2006
	184/UBCK-GP	Ngày 20 tháng 1 năm 2009
	356/UBCK-GP	Ngày 14 tháng 10 năm 2010
	52/GPDC-UBCK	Ngày 11 tháng 11 năm 2015

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận**

Đăng ký Kinh doanh số	0103014784	Ngày 27 tháng 11 năm 2006
-----------------------	------------	---------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Robert Angelo Hendro Santoso Huray	Chủ tịch <i>(từ ngày 2 tháng 8 năm 2016)</i>
Ông Chan Cheong Yuen	Chairman <i>(đến ngày 1 tháng 8 năm 2016)</i>
Bà Chu Thị Phương Dung	Phó Chủ tịch
Ông Ng Weng Seng	Ủy viên
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên
Ông Jaimie Sia Zui Keng	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Mai Duy Long	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-034/3



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Phạm Huy Cường

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2014-007-1

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B01 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Phân loại lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>		<b>155.089.413.877</b>	<b>93.299.657.779</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>153.464.975.755</b>	<b>91.889.535.764</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		880.398.305	85.157.257.513
1.1	<i>Tiền</i>		880.398.305	931.257.513
1.2	<i>Các khoản tương đương tiền</i>		-	84.226.000.000
2	Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		153.333	6.867.961.000
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		151.995.000.000	4.000.000.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		-	(4.287.996.520)
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		7.200	196.867
12	Các khoản phải thu khác		589.416.917	152.116.904
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.624.438.122</b>	<b>1.410.122.015</b>
1	Tạm ứng		156.747.083	24.020.083
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.189.396.789	1.107.807.682
7	Tài sản ngắn hạn khác		278.294.250	278.294.250
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)</b>		<b>25.054.613.474</b>	<b>78.192.405.902</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>24.207.000.000</b>	<b>76.829.000.000</b>
2	Các khoản đầu tư		24.207.000.000	76.829.000.000
2.1	<i>Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>		24.207.000.000	76.829.000.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>202.394.714</b>	<b>761.117.344</b>
1	Tài sản cố định hữu hình		101.812.708	664.665.280
	<i>Nguyên giá</i>		5.912.158.826	5.912.158.826
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(5.810.346.118)	(5.247.493.546)
3	Tài sản cố định vô hình		100.582.006	96.452.064
	<i>Nguyên giá</i>		1.491.619.550	1.391.619.550
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(1.391.037.544)	(1.295.167.486)
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>645.218.760</b>	<b>602.288.558</b>
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		274.875.000	274.875.000
2	Chi phí trả trước dài hạn		36.692.334	11.225.987
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		333.651.426	316.187.571
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>180.144.027.351</b>	<b>171.492.063.681</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>31/12/2015 VND (Phân loại lại)</b>
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>1.116.348.002</b>	<b>331.261.914</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.069.152.168</b>	<b>284.066.080</b>
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		2.225.311	1.426.807
8	Phải trả người bán	320		25.734.450	67.384.400
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	1.021.849.407	195.911.873
17	Các khoản phải trả khác	329		19.343.000	19.343.000
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>47.195.834</b>	<b>47.195.834</b>
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		47.195.834	47.195.834
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>179.027.679.349</b>	<b>171.160.801.767</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>179.027.679.349</b>	<b>171.160.801.767</b>
1	Vốn cổ phần	411	13	135.000.000.000	135.000.000.000
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.201.383.968	1.808.040.089
5	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.201.383.968	1.808.040.089
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		39.624.911.413	32.544.721.589
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>180.144.027.351</b>	<b>171.492.063.681</b>

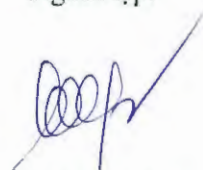
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>			
8		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty		
	008		80.000	3.583.280.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
1		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng		
	021		30.559.480.000	28.840.980.000
a		<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>30.547.480.000</i>	<i>28.713.680.000</i>
e		<i>TSTC chờ thanh toán</i>	<i>12.000.000</i>	<i>127.300.000</i>
2		TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng		
	022		25.920.000	22.490.000
a		<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>25.920.000</i>	<i>22.490.000</i>
4		TSTC chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư		
	024		1.215.000.000	1.215.000.000
7		Tiền gửi của khách hàng		
	026		567.453.987	841.348.892
7.1		Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý		
	027		567.453.987	841.348.892
8		Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý		
	031		567.434.022	841.329.017
8.1		Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý		
	031.1		567.434.022	841.329.017
12		Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
	035		19.965	19.875

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B02 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>I</b>		<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		
1.1		Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
	01		1.181.507.833	-
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.1	14(a)	1.002.343.833	-
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.3		179.164.000	-
1.2		Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.023.008.355	12.727.882.313
1.6		Doanh thu môi giới chứng khoán	39.994.242	24.148.664
1.11		Thu nhập hoạt động khác	17.463.855	17.166.362
		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>12.261.974.285</b>	<b>12.769.197.339</b>
<b>II</b>		<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		
2.1		(Lãi)/lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
	21		(4.281.326.520)	1.254.149.400
		<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.1	140	6.670.000	-
		<i>b. (Lãi)/lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.2		(4.287.996.520)	1.254.149.400
2.7		Chi phí môi giới chứng khoán	282.066.690	3.673.456
2.10		Chi phí lưu ký chứng khoán	16.203.547	15.358.759
2.12		Chi phí khác	1.355.674.042	1.704.701.240
		<b>Cộng (doanh thu)/chi phí hoạt động</b>	<b>(2.627.382.241)</b>	<b>2.977.882.855</b>
<b>III</b>		<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	13.584.372	13.887.806
		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>13.584.372</b>	<b>13.887.806</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho**  
**năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>16</b>	<b>5.076.829.822</b>	<b>5.470.208.750</b>
<b>VII</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 - 40 + 50 - 62)	<b>70</b>		<b>9.826.111.076</b>	<b>4.334.993.540</b>
<b>VIII</b>	<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.2	Chi phí khác	72		29.844.078	3.008.347
	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b> (80 = 72)	<b>80</b>		<b>29.844.078</b>	<b>3.008.347</b>
<b>IX</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN</b> <b>TRƯỚC THUẾ (90 = 70 - 80)</b>	<b>90</b>		<b>9.796.266.998</b>	<b>4.331.985.193</b>
<b>X</b>	<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>17</b>	<b>1.929.389.416</b>	<b>866.397.038</b>
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		1.929.389.416	866.397.038
<b>XI</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU</b> <b>THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>7.866.877.582</b>	<b>3.465.588.155</b>
<b>XII</b>	<b>THU NHẬP TOÀN DIỆN</b> <b>KHÁC</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XIII</b>	<b>THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU</b>				
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	18	583	257

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03b – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1</b>	<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9.796.266.998</b>	<b>4.331.985.193</b>
<b>2</b>	<b>02</b>	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(3.629.273.890)</b>	<b>1.972.567.634</b>
	03	Khấu hao tài sản cố định	658.722.630	718.418.234
	04	Các khoản dự phòng	(4.287.996.520)	1.254.149.400
<b>5</b>	<b>30</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30=01+02)</b>	<b>6.166.993.108</b>	<b>6.304.552.827</b>
	31	Giảm TSTC ghi nhận theo FVTPL	6.867.807.667	-
	32	Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(95.373.000.000)	78.709.000.000
	36	(Tăng)/giảm phải thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(437.300.013)	727.338
	39	Giảm các khoản phải thu khác	189.667	320.418
	40	(Tăng)/giảm các tài sản khác	(150.190.855)	45.698.188
	42	Tăng chi phí trả trước	(207.055.454)	(41.193.917)
	43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.106.640.503)	(1.264.752.565)
	45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	(41.649.950)	58.692.200
	47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.188.621	(6.063.132)
	50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	798.504	(2.489.329)
	<b>60</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(84.276.859.208)</b>	<b>83.804.492.028</b>
<b>IV</b>	<b>90</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60)</b>	<b>(84.276.859.208)</b>	<b>83.804.492.028</b>
<b>V</b>	<b>101</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>85.157.257.513</b>	<b>1.352.765.485</b>
	101.1	Tiền	931.257.513	1.352.765.485
	101.2	Các khoản tương đương tiền	84.226.000.000	-
<b>VI</b>	<b>103</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Note 6)</b>	<b>880.398.305</b>	<b>85.157.257.513</b>
	103.1	Tiền	880.398.305	931.257.513
	103.2	Các khoản tương đương tiền	-	84.226.000.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

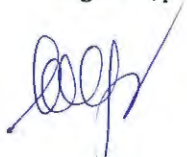
**Mẫu B03b – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI VÀ ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	10.520.243.669	6.636.453.143
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(6.823.679.100)	(7.003.532.000)
Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		1.111.621.614	1.024.089.513
Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(45.963.300)	(1.172.271.288)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	1.386.700.000	4.212.001.000
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(6.422.817.788)	(3.998.751.188)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(273.894.905)</b>	<b>(302.010.820)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>841.348.892</b>	<b>1.143.359.712</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	841.348.892	1.143.359.712
<i>Tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng do Công ty quản lý</i>	<i>31</i>	<i>841.348.892</i>	<i>1.143.359.712</i>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>567.453.987</b>	<b>841.348.892</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm		567.453.987	841.348.892
<i>Tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng do Công ty quản lý</i>		<i>567.453.987</i>	<i>841.348.892</i>

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B04 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	1/1/2015	1/1/2016	2015		2016		31/12/2015	31/12/2016
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
1. Vốn cổ phần	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.634.760.681	1.808.040.089	173.279.408	-	393.343.879	-	1.808.040.089	2.201.383.968
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.634.760.681	1.808.040.089	173.279.408	-	393.343.879	-	1.808.040.089	2.201.383.968
8. Lợi nhuận chưa phân phối	29.425.692.250	32.544.721.589	3.465.588.155	(346.558.816)	7.866.877.582	(786.687.758)	32.544.721.589	39.624.911.413
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	29.425.692.250	32.544.721.589	3.465.588.155	(346.558.816)	7.866.877.582	(786.687.758)	32.544.721.589	39.624.911.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>167.695.213.612</b>	<b>171.160.801.767</b>	<b>3.812.146.971</b>	<b>(346.558.816)</b>	<b>8.653.565.340</b>	<b>(786.687.758)</b>	<b>171.160.801.767</b>	<b>179.027.679.349</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Cơ sở thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần của Công ty là 135.000.000.000 VND (31/12/2015: 135.000.000.000 VND)

### **(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

### **(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(e) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 26 nhân viên (31/12/2015: 26 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Áp dụng các hướng dẫn kế toán mới và các quy định chưa được áp dụng**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (“Thông tư 95”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210.

Theo đó, báo cáo tài chính được lập theo mẫu biểu mới của Thông tư 334. Đồng thời, các số liệu so sánh của năm trước đã được trình bày cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại (Thuyết minh số 21 - Số liệu so sánh).

Hơn nữa, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty sẽ phải áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính và thuyết minh về cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này. Công ty chưa xác định ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính đối với báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2017 trở đi.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

**(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

**(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận theo FVTPL: Xem Thuyết minh 4(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 4(e);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 4(f).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

**(iv) Cẩn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

**(d) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ**

TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các giá giao dịch gần nhất từ ba công ty chứng khoán nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo.

Chứng khoán nắm giữ để kinh doanh chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán nắm giữ để kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán nắm giữ để kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ vật kiến trúc	3 – 5 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**(l) Các quỹ dự trữ pháp định**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu..

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

**(iii) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo thu nhập theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ban hành bởi Bộ Tài chính không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5. Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	876.377.213	85.132.113.044
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	176.202.000.000	80.829.000.000
Các khoản phải thu khác	589.416.917	152.116.904
Tài sản tài chính khác	608.526.426	591.062.571
	178.276.320.556	166.704.292.519

- (i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>31/12/2016</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dòng tiền theo</b>	<b>Trong vòng 1 năm</b>
	<b>VND</b>	<b>hợp đồng</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.225.311	2.225.311	2.225.311
Phải trả người bán ngắn hạn	25.734.450	25.734.450	25.734.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19.343.000	19.343.000	19.343.000
	47.302.761	47.302.761	47.302.761

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

31/12/2015	Giá trị ghi sổ VND	Đòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.426.807	1.426.807	1.426.807
Phải trả người bán ngắn hạn	67.384.400	67.384.400	67.384.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19.343.000	19.343.000	19.343.000
	<b>88.154.207</b>	<b>88.154.207</b>	<b>88.154.207</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	876.377.213	85.132.113.044
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	176.202.000.000	80.829.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	333.651.426	316.187.571
	<b>177.412.028.639</b>	<b>166.277.300.615</b>

**(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu..

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	4.021.092	25.144.469
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	876.377.213	906.113.044
Các khoản tương đương tiền	-	84.226.000.000
	880.398.305	85.157.257.513

**7. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2016		2015	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	358.320	7.863.481.500	-	-
b) Của nhà đầu tư				
Cổ phiếu	1.656.292	24.992.520.900	833.253	12.605.774.700

**8. Các loại tài sản tài chính**

**(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	153.333	170.400	6.867.961.000	2.579.964.480
▪ SMC	153.333	170.400	6.867.961.000	2.579.964.480

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số.334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	151.995.000.000	(*)	4.000.000.000	(*)
Tiền gửi ngân hàng dài hạn (ii)	24.207.000.000	(*)	76.829.000.000	(*)

- (i) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất 6,12%/năm đến 7,4%/năm (31/12/2015: 7,1%/năm).
- (ii) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng dài hạn bằng VND có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng và hưởng lãi suất 6,3%/ năm đến 7,4%/năm (31/12/2015: 6,12%/năm đến 7,13%/năm).
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

## 9. Dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

	Số lượng	Giá sổ sách VND	31/12/2016 Giá thị trường VND	Giá trị dự phòng VND	31/12/2015 Giá trị dự phòng VND	Mức trích lập/ (hoàn nhập) kỳ này (Note 15) VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ Cổ phiếu niêm yết SMC	8	153.333	170.400	-	4.287.996.520	(4.287.996.520)

## 10. Tài sản cố định hữu hình

2016

	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm/cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	893.530.248	3.136.445.371	734.419.071	483.098.856	5.247.493.546
Khấu hao trong năm	231.888.811	62.806.540	268.157.221	-	562.852.572
Số dư cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.002.576.292	483.098.856	5.810.346.118
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	231.888.811	62.806.540	369.969.929	-	664.665.280
Số dư cuối năm	-	-	101.812.708	-	101.812.708

## 10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2015	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm/ cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
Khấu hao trong năm	181.225.199	144.465.417	220.877.916	-	546.568.532
Số dư cuối năm	893.530.248	3.136.445.371	734.419.071	483.098.856	5.247.493.546
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812
Số dư cuối năm	231.888.811	62.806.540	369.969.929	-	664.665.280

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 4.807.769.826 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 3.701.911.467 VND).



## 11. Tài sản cố định vô hình

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1.391.619.550	1.391.619.550
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	100.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.491.619.550	1.391.619.550
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	1.295.167.486	1.123.317.784
Khấu hao trong năm	95.870.058	171.849.702
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.391.037.544	1.295.167.486
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	96.452.064	268.301.766
Số dư cuối năm	100.582.006	96.452.064
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.391.618.950 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (31/12/2015: 1.360.118.950 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 1 tháng 1	316.187.571	299.021.209
Thu nhập lãi	17.463.855	17.166.362
	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12	333.651.426	316.187.571
	<hr/>	<hr/>

### 13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Tại ngày báo cáo, tình hình các cổ đông và tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu trong Công ty như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	VND	%	VND	%
RHB Investment Bank Berhad	66.150.000	49,0	66.150.000	49,0
Bà Chu Thị Phương Dung	57.915.000	42,9	57.915.000	42,9
Bà Trương Lan Anh	6.885.000	5,1	6.885.000	5,1
Công ty Môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	4.050.000	3,0	4.050.000	3,0
	<b>135.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>135.000.000</b>	<b>100,0</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có quyền như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

### 14. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

#### (a) Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận qua FVTPL

2016	Số lượng bán cổ phiếu	Giá bán bình quân VND/cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết SMC	348.320	22.045	7.678.593.273	6.676.249.440	1.002.343.833

**(b) Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận qua FVTPL**

<b>2016</b>	<b>Số lượng bán</b>	<b>Giá bán</b>	<b>Tổng giá trị</b>	<b>Tổng giá vốn</b>	<b>Lỗ bán chứng</b>
	<b>cổ phiếu</b>	<b> bình quân</b>	<b> bán</b>	<b> VND</b>	<b> khoán năm nay</b>
		<b>VND/cổ</b>	<b> VND</b>	<b> VND</b>	<b> VND</b>
		<b> phiếu</b>			
Cổ phiếu niêm yết SMC	10.000	18.500	185.000.000	191.670.000	(6.670.000)

Không có giao dịch bán tài sản tài chính ghi nhận qua FVTPL cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**15. Tổng (doanh thu)/chi phí hoạt động**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng suy giảm giá trị TSTC ghi nhận qua FVTPL (Thuyết minh 9)	6.670.000	-
Chi phí môi giới chứng khoán	(4.287.996.520)	1.254.149.400
Chi phí lưu ký chứng khoán	282.066.690	3.673.456
Chi phí thuê sử dụng tài sản	16.203.547	15.358.759
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	661.010.134	777.114.717
Chi phí công cụ, dụng cụ	355.235.308	395.855.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.801.718	198.199.050
Chi phí khác	107.209.950	244.771.382
	85.416.932	88.760.321
	<b>(2.627.382.241)</b>	<b>2.977.882.855</b>

**16. Chi phí quản lý**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.934.349.980	2.917.578.711
Chi phí khấu hao TSCĐ	551.512.680	473.646.852
Chi phí dịch vụ ngoài	1.298.616.953	1.395.696.045
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	26.298.554	83.578.707
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.038.418	95.796.191
Thuế và lệ phí	14.595.904	20.109.560
Chi phí khác	221.417.333	483.802.684
	<b>5.076.829.822</b>	<b>5.470.208.750</b>

## 17. Thuế thu nhập

### (a) Ghi nhận trong báo cáo thu nhập

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.929.389.416	866.397.038

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.796.266.998	4.331.985.193
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.959.253.400	866.397.038
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.968.816	-
Thu nhập không bị tính thuế	(35.832.800)	-
Chi phí thuế thu nhập	1.929.389.416	866.397.038

### (c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% (2015: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

## 18. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 7.866.877.582 VND (2015: 3.465.588.155 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.500.000 cổ phiếu (2015: 13.500.000 cổ phiếu), được tính như sau:

### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	7.866.877.582	3.465.588.155

### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	13.500.000	13.500.000

*(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	583	257

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	988.476.142	165.727.229
Thuế thu nhập cá nhân	33.373.265	30.184.644
	<b>1.021.849.407</b>	<b>195.911.873</b>

Biến động thuế phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	<b>1/1/2016</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.727.229	1.929.389.416	(1.106.640.503)	988.476.142
Thuế thu nhập cá nhân	30.184.644	103.346.236	(100.157.615)	33.373.265
	<b>195.911.873</b>	<b>2.032.735.652</b>	<b>(1.206.798.118)</b>	<b>1.021.849.407</b>
	<b>1/1/2015</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	564.082.756	866.397.038	(1.264.752.565)	165.727.229
Thuế thu nhập cá nhân	36.247.776	95.769.549	(101.832.681)	30.184.644
	<b>600.330.532</b>	<b>962.166.587</b>	<b>(1.366.585.246)</b>	<b>195.911.873</b>

**20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Thù lao	1.041.680.668	985.032.938

## 21. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại theo Thông tư 334. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

### (a) Báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	31/12/2015 VND (phân loại lại)	31/12/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Tiền	111.1	931.257.513	1.772.606.405
Đầu tư ngắn hạn		-	10.867.961.000
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	6.867.961.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	4.000.000.000	-
Trả trước cho người bán		-	278.294.250
Tạm ứng	131	24.020.083	-
Tài sản ngắn hạn khác	137	278.294.250	24.020.083
Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	274.875.000	-
Tài sản dài hạn khác		-	274.875.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	1.426.807	840.665.953
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	19.875
Các khoản phải trả khác	329	19.343.000	21.432.871

### (b) Báo cáo kết quả hoạt động

	Mã số	2015 VND (phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	12.727.882.313	-
Thu nhập hoạt động khác	11	17.463.855	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	13.887.806	-
Doanh thu khác		-	12.759.233.974

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
 Tổng Giám đốc

